

Số: 579 /QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đối với hệ đại học đợt tháng 3 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-Ttg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về “Quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành kèm theo Quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh”; Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH ngày 4/10/2019;

Xét kết quả học tập và đơn xin xét công nhận tốt nghiệp của sinh viên đợt tháng 3 năm 2022;

Căn cứ kết luận cuộc họp của Hội đồng xét tốt nghiệp ngày 30/12/2021 và Tờ trình số 70 /TTr-ĐHNH-PĐT ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 404 sinh viên hệ đại học chính quy đợt tháng 3 năm 2022 như sau:

STT	HỆ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Đại học chính quy (bao gồm Liên thông)	394	
2	Đại học chính quy ngành 2 (song bằng)	04	
3	Đại học chính quy văn bằng 2	06	
TỔNG		404	

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các sinh viên có tên ở Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn Phòng, Trưởng Phòng Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT.HĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Phòng TVTS & PTTT (để đăng tin);
- Lưu VP, PĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.,TS. Nguyễn Đức Trung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 3 NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 579 /QĐ-ĐHNH, ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
1	030529130201	Huỳnh Thị Tuyết	Trần	12/01/1995	Nữ	DH29KT03	7.03	2.81	130	Kế toán	
2	030529130431	Trương Thị Thanh	Nhi	30/12/1995	Nữ	DH29KT04	6.50	2.60	132	Kế toán	
3	030329130244	Đoàn Thành	Long	07/09/1995	Nam	ĐH29MK_02	6.38	2.55	130	Quản trị kinh doanh	
4	030329130385	Nguyễn Bảo	Thy	29/06/1995	Nữ	ĐH29MK_02	6.68	2.67	131	Quản trị kinh doanh	
5	030630140398	Huỳnh Ý	Lan	28/06/1996	Nữ	DH30DN01	7.37	2.95	129	HTTT quản lý	
6	030630140502	Lê Trần Xuân	Thanh	18/12/1996	Nữ	DH30TM01	6.11	2.44	129	HTTT quản lý	
7	030630140565	Phạm Ngọc	Sang	04/07/1996	Nữ	DH30TM02	6.10	2.44	129	HTTT quản lý	
8	030730140226	Phạm Anh	Phương	16/05/1995	Nữ	DH30LK03	6.42	2.57	129	Luật kinh tế	
9	030430140022	Nguyễn Ngọc	Lợi	25/01/1996	Nam	DH30AV02	6.47	2.59	146	Ngôn ngữ Anh	
10	030630142225	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	15/03/1996	Nữ	DH30QT03	6.36	2.55	129	Quản trị kinh doanh	
11	030630141912	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	28/07/1996	Nữ	DH30NH02	6.50	2.60	129	Tài chính - Ngân hàng	
12	030630141125	Huỳnh Quốc	Đạo	13/09/1996	Nam	DH30NH05	5.65	2.26	129	Tài chính - Ngân hàng	
13	030630140758	Đỗ Thị Huyền	Trang	08/10/1996	Nữ	DH30TC01	6.82	2.73	129	Tài chính - Ngân hàng	
14	030630141637	Nguyễn Thị Thu	Ngân	22/03/1996	Nữ	DH30TC03	7.20	2.88	129	Tài chính - Ngân hàng	
15	030631150747	Hoàng Thành	Long	20/04/1997	Nam	DH31TM01	6.15	2.46	129	HTTT quản lý	
16	030631151883	Lê Công	Hậu	04/01/1997	Nam	DH31KT05	7.10	2.84	129	Kế toán	
17	030631151956	Trần Thị	Thu	02/12/1997	Nữ	DH31KT05	7.34	2.94	129	Kế toán	
18	030431150006	NGUYỄN THỊ HOÀNG	DIỆU	29/09/1997	Nữ	DH31AV01	7.83	3.13	146	Ngôn ngữ Anh	
19	030631150150	Trần Hữu	Tiến	28/12/1997	Nam	DH31MK01	6.37	2.55	129	Quản trị kinh doanh	
20	030631150464	Đỗ Thảo	Ngân	24/07/1997	Nữ	DH31MK02	6.95	2.78	129	Quản trị kinh doanh	
21	030631151353	Nguyễn Xuân Lê Thương	Tín	11/09/1997	Nam	DH31MK02	6.76	2.71	129	Quản trị kinh doanh	
22	030631151772	Nguyễn Thị Nhật	My	05/10/1997	Nữ	DH31MK03	6.64	2.66	129	Quản trị kinh doanh	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
23	030631151979	Nguyễn Thị Phương	Thảo	02/09/1995	Nữ	DH31MK03	6.55	2.62	129	Quản trị kinh doanh	
24	030631150668	Trần Văn	Son	21/05/1997	Nam	DH31QT01	6.80	2.72	129	Quản trị kinh doanh	
25	030631150045	Nguyễn Thị Phương	Oanh	30/08/1997	Nữ	DH31NH01	6.34	2.54	129	Tài chính - Ngân hàng	
26	030631150242	Trần Chiến	Thắng	27/10/1997	Nam	DH31NH02	6.51	2.60	129	Tài chính - Ngân hàng	
27	030631150534	Nguyễn Ngọc Lê	Uyên	23/04/1997	Nữ	DH31NH02	7.00	2.80	129	Tài chính - Ngân hàng	
28	030631150551	Phạm Vũ Lam	Phụng	23/01/1997	Nữ	DH31NH03	6.29	2.52	129	Tài chính - Ngân hàng	
29	030631151107	Nguyễn Thị Hương	Duyên	14/10/1997	Nữ	DH31NH04	6.49	2.59	129	Tài chính - Ngân hàng	
30	030631151623	Nguyễn Minh	Hiếu	07/12/1997	Nam	DH31NH05	7.25	2.90	129	Tài chính - Ngân hàng	
31	030631151725	Trần Quang	Khải	06/06/1997	Nam	DH31NH05	6.06	2.42	129	Tài chính - Ngân hàng	
32	030631151701	Trần Thị Yến	Nhi	06/10/1997	Nữ	DH31NH05	6.09	2.43	129	Tài chính - Ngân hàng	
33	030631151905	Nguyễn Hiền	Phương	03/09/1997	Nữ	DH31NH06	6.14	2.46	129	Tài chính - Ngân hàng	
34	030631151004	Lê Thị Xuân	Thùy	16/05/1995	Nữ	DH31TC03	6.94	2.78	129	Tài chính - Ngân hàng	
35	030631151840	Nguyễn Nhật	Huy	04/10/1997	Nam	DH31TC06	7.57	3.03	129	Tài chính - Ngân hàng	
36	030631150492	MAI MỸ	LINH	24/01/1997	Nữ	DH31TC06	7.20	2.88	129	Tài chính - Ngân hàng	
37	030632160568	NGUYỄN THỊ THANH	HẢI	23/09/1998	Nữ	DH32DN01	7.01	2.80	129	HTTT quản lý	
38	030632161185	VŨ ĐÌNH	LỘC	06/08/1998	Nam	DH32DN01	7.57	3.03	129	HTTT quản lý	
39	030632162548	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	17/08/1998	Nữ	DH32DN01	6.24	2.49	129	HTTT quản lý	
40	030632162736	NGUYỄN TRỌNG	TUẤN	08/02/1998	Nam	DH32DN01	7.49	3.00	129	HTTT quản lý	
41	030632162935	HUỐNG TUỜNG	VY	08/09/1998	Nữ	DH32DN01	6.74	2.69	129	HTTT quản lý	
42	030632160130	NGUYỄN VIỆT	BẮC	08/10/1998	Nam	DH32TM01	7.20	2.88	129	HTTT quản lý	
43	030632160867	TRẦN THỊ QUẾ	HUỐNG	26/12/1998	Nữ	DH32KT01	7.26	2.90	129	Kế toán	
44	030632162826	HẠ THỊ THẢO	UYÊN	16/04/1998	Nữ	DH32KT02	7.07	2.83	129	Kế toán	
45	030632162729	TRẦN LÊ CẨM	TÚ	24/11/1997	Nữ	DH32KT03	7.90	3.16	129	Kế toán	
46	030632160751	ĐÀO THỊ	HOA	24/08/1998	Nữ	DH32KT04	7.87	3.15	129	Kế toán	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
47	030632161901	NGUYỄN THỊ TRÚC	PHUƠNG	14/11/1998	Nữ	DH32KT04	7.51	3.01	129	Kế toán	
48	030632163241	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	31/01/1998	Nữ	DH32KT05	7.01	2.80	129	Kế toán	
49	030632163328	HUỖNH THỊ NGỌC	HÂN	05/07/1998	Nữ	DH32KQ03	7.82	3.13	129	Kinh tế quốc tế	
50	030632161255	HỒ XUÂN	MAI	26/07/1998	Nữ	DH32KQ03	7.11	2.84	129	Kinh tế quốc tế	
51	030632161680	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	27/09/1998	Nữ	DH32KQ03	7.02	2.81	129	Kinh tế quốc tế	
52	030632163055	CHANH KHEMMA	RA	22/04/1997	Nữ	DH32KQ03	5.95	2.38	129	Kinh tế quốc tế	
53	030632162876	PHAN THỊ HOÀI	VÂN	29/03/1998	Nữ	DH32KQ03	7.27	2.91	129	Kinh tế quốc tế	
54	030732160006	NGUYỄN HỮU HÀ	ANH	14/06/1998	Nữ	DH32LK01	6.60	2.64	129	Luật kinh tế	
55	030732160111	NGUYỄN THỊ TRINH	NỮ	02/02/1998	Nữ	DH32LK01	7.19	2.88	129	Luật kinh tế	
56	030732160031	NGUYỄN THÁI THẠCH	HÀ	21/01/1998	Nữ	DH32LK02	6.74	2.70	129	Luật kinh tế	
57	030432160132	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	08/06/1998	Nữ	DH32AV01	7.10	2.84	146	Ngôn ngữ Anh	
58	030632160072	NGUYỄN HOÀNG LAN	ANH	15/11/1998	Nữ	DH32MK01	7.12	2.85	129	Quản trị kinh doanh	
59	030632161641	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	02/03/1998	Nữ	DH32MK01	7.04	2.82	129	Quản trị kinh doanh	
60	030632163264	PHẠM DUY	NAM	25/01/1998	Nam	DH32MK03	6.46	2.58	129	Quản trị kinh doanh	
61	030632161885	ĐẶNG THỊ HOÀI	PHUƠNG	28/04/1998	Nữ	DH32QT01	7.38	2.95	129	Quản trị kinh doanh	
62	030632162073	NGUYỄN DUY	TÂN	29/10/1998	Nam	DH32QT01	6.86	2.74	129	Quản trị kinh doanh	
63	030632160512	LÊ THỊ KIM	GIÊNG	01/06/1998	Nữ	DH32QT02	7.37	2.95	129	Quản trị kinh doanh	
64	030632160621	TRẦN THỊ	HẰNG	20/06/1998	Nữ	DH32QT02	6.59	2.64	129	Quản trị kinh doanh	
65	030632160709	VÕ THỊ THU	HIỀN	25/02/1998	Nữ	DH32QT02	7.17	2.87	129	Quản trị kinh doanh	
66	030632160917	TRƯƠNG THỊ NGỌC	HUYỀN	19/08/1998	Nữ	DH32QT02	6.64	2.66	129	Quản trị kinh doanh	
67	030632162371	PHẠM THỊ HOÀI	THƯƠNG	28/03/1998	Nữ	DH32QT02	6.48	2.59	129	Quản trị kinh doanh	
68	030632161346	NGUYỄN THÀNH	NAM	01/07/1998	Nam	DH32NH01	7.12	2.85	129	Tài chính - Ngân hàng	
69	030632162264	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	13/03/1998	Nữ	DH32NH01	5.99	2.40	129	Tài chính - Ngân hàng	
70	030632160560	TẠ HOÀNG	HẢI	05/08/1998	Nam	DH32NH02	6.78	2.71	129	Tài chính - Ngân hàng	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
71	030632160058	HUỖNH LAN ANH	11/06/1998	Nữ	DH32NH03	6.60	2.64	129	Tài chính - Ngân hàng	
72	030632161804	HOÀNG TRỌNG PHÚC	15/08/1998	Nam	DH32NH03	6.41	2.57	129	Tài chính - Ngân hàng	
73	030632160808	VĂN KIM HÙNG	01/01/1998	Nam	DH32NH04	6.37	2.55	129	Tài chính - Ngân hàng	
74	030632161918	PHẠM MINH QUANG	01/01/1998	Nam	DH32NH04	6.30	2.52	129	Tài chính - Ngân hàng	
75	030632162009	LÊ THỊ HỒNG SÁNG	19/12/1998	Nữ	DH32NH04	6.27	2.51	129	Tài chính - Ngân hàng	
76	030632161020	NGUYỄN THỊ THANH KIỀU	12/05/1998	Nữ	DH32NH05	6.35	2.54	129	Tài chính - Ngân hàng	
77	030632162419	PHAN THỊ THỦY	08/01/1998	Nữ	DH32NH05	6.40	2.56	129	Tài chính - Ngân hàng	
78	030632163359	NGUYỄN ĐẶNG THANH TRÚC	01/09/1998	Nữ	DH32NH05	6.12	2.45	129	Tài chính - Ngân hàng	
79	030632162712	TẠ ĐÌNH TRƯỜNG	28/04/1998	Nam	DH32NH05	6.68	2.67	129	Tài chính - Ngân hàng	
80	030632160278	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	30/07/1998	Nam	DH32NH06	5.99	2.40	129	Tài chính - Ngân hàng	
81	030632163418	NGUYỄN THỊ ANH THU	08/02/1998	Nữ	DH32NH06	6.59	2.63	129	Tài chính - Ngân hàng	
82	030632162746	NGUYỄN VĂN TUẤN	27/11/1997	Nam	DH32NH06	6.65	2.66	129	Tài chính - Ngân hàng	
83	030632163180	NGUYỄN NGỌC THANH VÂN	12/08/1998	Nữ	DH32NH06	6.03	2.41	129	Tài chính - Ngân hàng	
84	030632162243	VŨ HOÀN THIÊN	28/07/1997	Nam	DH32TC01	6.97	2.79	129	Tài chính - Ngân hàng	
85	030632160139	HOÀNG DƯƠNG HUY BẢO	20/04/1997	Nam	DH32TC03	7.43	2.97	129	Tài chính - Ngân hàng	
86	030233170020	Đàm Nguyễn Phương Anh	02/01/1999	Nữ	DH33DN01	6.60	2.64	129	HTTT quản lý	
87	030233170073	Nguyễn Thị Đẹp	13/03/1999	Nữ	DH33DN01	7.30	2.92	129	HTTT quản lý	
88	030233170096	Đinh Thị Hạnh	24/01/1999	Nữ	DH33DN01	7.59	3.04	129	HTTT quản lý	
89	030233170003	Nguyễn Ngọc Huy	31/12/1999	Nam	DH33DN01	7.94	3.18	129	HTTT quản lý	
90	030233170107	Trịnh Thị Ngọc Lan	29/10/1999	Nữ	DH33DN01	6.79	2.72	129	HTTT quản lý	
91	030233170104	Nguyễn Thanh Ngân	20/12/1999	Nữ	DH33DN01	7.20	2.88	129	HTTT quản lý	
92	030233170053	Trần Kim Như	27/06/1999	Nữ	DH33DN01	6.94	2.78	129	HTTT quản lý	
93	030233170110	Nguyễn Ngọc Hải Quan	31/03/1999	Nam	DH33DN01	6.70	2.68	129	HTTT quản lý	
94	030233170063	Trần Thị Kim Sương	16/12/1999	Nữ	DH33DN01	6.48	2.59	129	HTTT quản lý	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
95	030233170018	Huỳnh Nguyễn Phú	Thanh	25/10/1999	Nam	DH33DN01	6.98	2.79	129	HTTT quản lý	
96	030233170012	Lại Thị Bảo	Thy	19/04/1999	Nữ	DH33DN01	7.26	2.90	129	HTTT quản lý	
97	030233170085	Lê Ngọc	Tiến	02/03/1999	Nam	DH33DN01	6.88	2.75	129	HTTT quản lý	
98	030233170084	Hồ Duy	Trung	24/04/1999	Nam	DH33DN01	6.69	2.68	129	HTTT quản lý	
99	030233170004	Nguyễn Đức	Ty	28/10/1999	Nam	DH33DN01	7.45	2.98	129	HTTT quản lý	
100	030233170093	Phan Thụy Khánh	Vân	26/10/1999	Nữ	DH33DN01	6.99	2.79	129	HTTT quản lý	
101	030233170009	Nguyễn Khánh	Hưng	03/10/1999	Nam	DH33TM01	7.02	2.81	129	HTTT quản lý	
102	030233170057	Lê Minh	Quân	09/09/1999	Nam	DH33TM01	7.67	3.07	129	HTTT quản lý	
103	030233170077	Lâm Thị Thu	Thảo	04/07/1999	Nữ	DH33TM01	7.51	3.00	129	HTTT quản lý	
104	030233170049	Nguyễn Thị Thu	Thảo	09/04/1999	Nữ	DH33TM01	7.50	3.00	129	HTTT quản lý	
105	030233170115	Nguyễn Ngọc Thanh	Thiên	17/08/1999	Nam	DH33TM01	7.09	2.84	129	HTTT quản lý	
106	030233170108	Trần Thu	Uyên	24/08/1999	Nữ	DH33TM01	7.11	2.84	129	HTTT quản lý	
107	030633170006	Ngô Thị Vân	Anh	09/10/1999	Nữ	DH33KT01	7.92	3.17	129	Kế toán	
108	030633170376	Phạm Thị Ngọc	Diệu	12/08/1999	Nữ	DH33KT01	7.26	2.90	129	Kế toán	
109	030633170646	Đoàn Mai Thanh	Hằng	22/12/1999	Nữ	DH33KT01	7.72	3.09	129	Kế toán	
110	030633171117	Trần Thị Nhật	Tú	29/03/1999	Nữ	DH33KT01	6.70	2.68	129	Kế toán	
111	030633170078	Nguyễn Thị Kim	Yến	12/02/1999	Nữ	DH33KT01	7.95	3.18	129	Kế toán	
112	030633170116	Tổng Lê Như	Huyền	20/04/1999	Nữ	DH33KT02	7.92	3.17	129	Kế toán	
113	030633170900	Kim Thị Sa	Line	22/12/1999	Nữ	DH33KT02	6.68	2.67	129	Kế toán	
114	030633170411	Nguyễn Quang	Trường	07/11/1999	Nam	DH33KT02	6.26	2.50	129	Kế toán	
115	030633171183	Đinh Thị Thu	Hiền	25/08/1999	Nữ	DH33KT04	8.26	3.31	129	Kế toán	
116	030633170845	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	16/10/1999	Nữ	DH33KT04	8.48	3.39	129	Kế toán	
117	030633171204	Đoàn Thị Ngọc	My	03/05/1999	Nữ	DH33KT04	7.13	2.85	129	Kế toán	
118	030633171323	Mai Thảo	Quyên	27/05/1999	Nữ	DH33KT04	7.75	3.10	129	Kế toán	



Handwritten signature

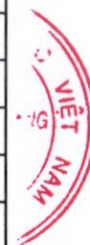
STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
119	030633171278	Trần Thị Phương	Thanh	01/08/1999	Nữ	DH33KT04	8.67	3.47	129	Kế toán	
120	030633171020	Nguyễn Thị Cẩm	Thương	28/07/1999	Nữ	DH33KT04	7.14	2.86	129	Kế toán	
121	030633171420	Trịnh Thị	Thúy	25/08/1999	Nữ	DH33KT04	7.24	2.90	129	Kế toán	
122	030633171568	Trần Thị Thu	Thúy	29/09/1999	Nữ	DH33KT04	7.16	2.86	129	Kế toán	
123	030633171152	Tô Thùy	Trang	04/04/1999	Nữ	DH33KT04	7.60	3.04	129	Kế toán	
124	030633171556	Nguyễn Khánh	Vi	20/12/1999	Nữ	DH33KT04	6.61	2.65	129	Kế toán	
125	030633171340	Lê Thị Bạch	Cúc	17/10/1999	Nữ	DH33KT05	7.67	3.07	129	Kế toán	
126	030633171644	Thân Thị Mai	Hân	13/01/1999	Nữ	DH33KT05	6.44	2.57	129	Kế toán	
127	030633171333	Nguyễn Thị Thu	Hào	10/10/1999	Nữ	DH33KT05	6.93	2.77	129	Kế toán	
128	030633171620	Nguyễn Thị	Hiền	05/11/1998	Nữ	DH33KT05	7.09	2.84	129	Kế toán	
129	030633171169	Nguyễn Hoài	Linh	12/09/1999	Nữ	DH33KT05	6.96	2.78	129	Kế toán	
130	030633170604	Nguyễn Thị	Thiếu	20/01/1999	Nữ	DH33KT05	7.18	2.87	129	Kế toán	
131	030633171629	Nguyễn Thị Anh	Thy	27/07/1999	Nữ	DH33KT05	6.99	2.80	129	Kế toán	
132	030633171541	Nguyễn Văn	Trường	10/05/1999	Nam	DH33KT05	6.45	2.58	129	Kế toán	
133	030633170011	Nguyễn Thị Minh	Loan	01/05/1999	Nữ	DH33KQ01	7.27	2.91	129	Kinh tế quốc tế	
134	030633170013	Hoàng Thuỳ Phương	Mai	02/01/1999	Nữ	DH33KQ01	7.41	2.97	129	Kinh tế quốc tế	
135	030633170029	Nguyễn Thị Kim	Ngân	22/08/1999	Nữ	DH33KQ01	8.13	3.25	129	Kinh tế quốc tế	
136	030633170236	Vũ Trần Nguyên	Phương	21/05/1999	Nữ	DH33KQ01	7.04	2.82	129	Kinh tế quốc tế	
137	030633171395	Phạm Bích	Phượng	04/07/1999	Nữ	DH33KQ01	7.24	2.90	129	Kinh tế quốc tế	
138	030633170481	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	11/02/1999	Nữ	DH33KQ01	7.79	3.12	129	Kinh tế quốc tế	
139	030633170428	Nguyễn Ngọc	Lượng	17/02/1999	Nữ	DH33KQ02	7.49	3.00	129	Kinh tế quốc tế	
140	030633170680	Nguyễn Thị Hồng	My	24/11/1999	Nữ	DH33KQ02	7.65	3.06	129	Kinh tế quốc tế	
141	030633171345	Trần Nguyễn Thúy	Quỳnh	15/10/1999	Nữ	DH33KQ02	7.55	3.02	129	Kinh tế quốc tế	
142	030633170937	Nguyễn Trần Hải	Trâm	14/12/1999	Nữ	DH33KQ02	6.60	2.64	129	Kinh tế quốc tế	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
143	030633170624	Phạm Thục Uyên	08/08/1999	Nữ	DH33KQ02	7.41	2.96	129	Kinh tế quốc tế	
144	030633170786	Võ Thị Bảo Dương	11/04/1999	Nữ	DH33KQ03	7.77	3.11	129	Kinh tế quốc tế	
145	030633171264	Vũ Nguyên Hà	12/01/1999	Nữ	DH33KQ03	7.43	2.97	129	Kinh tế quốc tế	
146	030633170383	Lê Thị Ngọc Mai	20/10/1999	Nữ	DH33KQ03	7.64	3.06	129	Kinh tế quốc tế	
147	030633170953	Đỗ Thị Nga	23/02/1999	Nữ	DH33KQ03	7.40	2.96	129	Kinh tế quốc tế	
148	030733170056	Lê Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	01/04/1999	Nữ	DH33LK01	6.47	2.59	129	Luật kinh tế	
149	030733170082	Nguyễn Hoài Minh Nguyệt	01/03/1999	Nữ	DH33LK01	6.98	2.79	129	Luật kinh tế	
150	030733170037	Lê Thị Ý Nhi	12/04/1999	Nữ	DH33LK01	6.56	2.63	129	Luật kinh tế	
151	030733170089	Huỳnh Ngọc Thanh Thủy	12/10/1999	Nữ	DH33LK01	7.49	2.99	129	Luật kinh tế	
152	030733170040	Đặng Dương Hà Tiên	08/09/1999	Nữ	DH33LK01	7.02	2.81	129	Luật kinh tế	
153	030733170109	Lý Xuân Đào	22/12/1999	Nữ	DH33LK02	7.40	2.96	129	Luật kinh tế	
154	030733170068	Võ Ngọc Phương Hân	27/07/1999	Nữ	DH33LK02	6.37	2.55	129	Luật kinh tế	
155	030733170041	Chu Phạm Phương Linh	17/05/1999	Nữ	DH33LK02	6.36	2.55	129	Luật kinh tế	
156	030733170042	Nguyễn Thị Ý Nhi	23/05/1999	Nữ	DH33LK02	6.47	2.59	129	Luật kinh tế	
157	030733170063	Nguyễn Thị Kim Phượng	13/11/1999	Nữ	DH33LK02	6.50	2.60	129	Luật kinh tế	
158	030733170007	Phan Thu Thủy	31/10/1999	Nữ	DH33LK02	6.34	2.54	129	Luật kinh tế	
159	030433170148	Trần Lâm Đoan	03/07/1999	Nam	DH33AV01	6.88	2.75	134	Ngôn ngữ Anh	
160	030433170046	Nguyễn Xuân Dương	09/03/1999	Nam	DH33AV01	6.41	2.57	134	Ngôn ngữ Anh	
161	030433170015	Nguyễn Ngọc Nhi Mẫn	12/03/1999	Nữ	DH33AV01	7.40	2.96	134	Ngôn ngữ Anh	
162	030433170009	Nguyễn Khánh Nguyên	02/09/1999	Nữ	DH33AV01	7.32	2.93	134	Ngôn ngữ Anh	
163	030433170010	Hà Phương Thy	19/05/1999	Nữ	DH33AV01	6.86	2.74	134	Ngôn ngữ Anh	
164	030433170087	Trần Thị Hồng Yên	26/01/1999	Nữ	DH33AV01	6.84	2.74	134	Ngôn ngữ Anh	
165	030433170139	Ban Thị Kim Anh	01/06/1999	Nữ	DH33AV03	5.75	2.30	134	Ngôn ngữ Anh	
166	030433170055	Nguyễn Thanh Hiếu	15/09/1999	Nam	DH33AV03	6.89	2.75	135	Ngôn ngữ Anh	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
167	030633170239	Đỗ Ngọc Huy	15/03/1999	Nam	DH33MK01	8.21	3.28	129	Quản trị kinh doanh	
168	030633170017	Trần Thị Mỹ Loan	23/10/1999	Nữ	DH33MK01	7.24	2.89	129	Quản trị kinh doanh	
169	030633170903	Đoàn Kiều Ly	01/05/1998	Nữ	DH33MK01	7.10	2.84	129	Quản trị kinh doanh	
170	030633170803	Trần Thị Thanh My	17/06/1999	Nữ	DH33MK01	7.41	2.96	129	Quản trị kinh doanh	
171	030633171125	Lê Thị Hồng Nhung	04/10/1999	Nữ	DH33MK01	7.09	2.84	129	Quản trị kinh doanh	
172	030633170700	Nguyễn Hoài Ánh Phụng	27/03/1999	Nữ	DH33MK01	7.11	2.84	129	Quản trị kinh doanh	
173	030633171082	Bùi Hương Thảo	12/01/1999	Nữ	DH33MK01	7.46	2.98	129	Quản trị kinh doanh	
174	030633170535	Trương Thị Hồng Xuân	18/02/1999	Nữ	DH33MK01	7.00	2.80	129	Quản trị kinh doanh	
175	030633170608	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	16/03/1999	Nữ	DH33MK02	7.03	2.81	129	Quản trị kinh doanh	
176	030633170765	Nguyễn Phú Hiệp	01/12/1994	Nam	DH33MK02	7.11	2.84	129	Quản trị kinh doanh	
177	030633170663	Trần Kiều Oanh	22/10/1999	Nữ	DH33MK02	7.86	3.14	129	Quản trị kinh doanh	
178	030633171398	Nguyễn Thị Kim Quyên	13/02/1999	Nữ	DH33MK02	7.66	3.07	129	Quản trị kinh doanh	
179	030633171121	Lê Thu Uyên	25/10/1999	Nữ	DH33MK02	7.71	3.09	129	Quản trị kinh doanh	
180	030633170301	Nguyễn Công Bằng	05/05/1999	Nam	DH33QT01	7.00	2.80	129	Quản trị kinh doanh	
181	030633171365	Nguyễn Thị Thảo Du	27/11/1999	Nữ	DH33QT01	7.01	2.81	129	Quản trị kinh doanh	
182	030633170158	Võ Thị Hạt	01/10/1999	Nữ	DH33QT01	7.78	3.11	129	Quản trị kinh doanh	
183	030633170161	Nguyễn Cao Hậu	07/04/1999	Nam	DH33QT01	7.27	2.91	129	Quản trị kinh doanh	
184	030633170132	Phạm Phương Nhi	04/06/1999	Nữ	DH33QT01	7.62	3.05	129	Quản trị kinh doanh	
185	030633170626	Hồ Đình Tân	19/10/1999	Nam	DH33QT01	6.72	2.69	129	Quản trị kinh doanh	
186	030633170155	Nguyễn Chiến Thắng	14/07/1999	Nam	DH33QT01	6.77	2.71	129	Quản trị kinh doanh	
187	030633170181	Châu Anh Thư	01/06/1999	Nữ	DH33QT01	7.17	2.87	129	Quản trị kinh doanh	
188	030633170402	Lương Hồ Xuân Trúc	27/11/1999	Nữ	DH33QT01	7.05	2.82	129	Quản trị kinh doanh	
189	030633170234	Vương Thiệu Vĩ	09/06/1999	Nam	DH33QT01	6.33	2.53	129	Quản trị kinh doanh	
190	030633171336	Nguyễn Ngọc Vỹ	20/08/1999	Nam	DH33QT01	6.94	2.78	129	Quản trị kinh doanh	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
191	030633170714	Trần Khánh Đan	17/10/1999	Nữ	DH33QT02	7.13	2.85	129	Quản trị kinh doanh	
192	030633171491	Hồ Xuân Đức	05/11/1999	Nam	DH33QT02	6.47	2.59	129	Quản trị kinh doanh	
193	030633171017	Lê Thị Vân Giang	14/02/1999	Nữ	DH33QT02	6.85	2.74	129	Quản trị kinh doanh	
194	030633170747	Phạm Nguyễn Gia Hân	14/02/1999	Nữ	DH33QT02	7.05	2.82	129	Quản trị kinh doanh	
195	030633171360	Ngô Thị Thúy Hậu	10/02/1999	Nữ	DH33QT02	6.81	2.72	129	Quản trị kinh doanh	
196	030633170839	Phan Thị Ánh Hồng	15/02/1999	Nữ	DH33QT02	6.41	2.57	129	Quản trị kinh doanh	
197	030633170561	Nguyễn Nhật Tài	23/04/1999	Nam	DH33QT02	6.73	2.69	129	Quản trị kinh doanh	
198	030633171304	Lý Thị Liên	10/01/1999	Nữ	DH33QT03	7.08	2.83	129	Quản trị kinh doanh	
199	030633171500	Lê Quang Linh	05/09/1999	Nam	DH33QT03	6.93	2.77	129	Quản trị kinh doanh	
200	030633171672	Nguyễn Thị Thùy Linh	19/09/1999	Nữ	DH33QT03	7.19	2.88	129	Quản trị kinh doanh	
201	030633171601	Nguyễn Bùi Thảo Như	02/02/1999	Nữ	DH33QT03	6.75	2.70	129	Quản trị kinh doanh	
202	030633171448	Nguyễn Thanh Phong	10/08/1999	Nam	DH33QT03	7.42	2.97	129	Quản trị kinh doanh	
203	030633171425	Lê Ngọc Tùng	08/09/1999	Nam	DH33QT03	6.67	2.67	129	Quản trị kinh doanh	
204	030633171104	Trần Xuân Đào	19/04/1999	Nữ	DH33NH01	7.26	2.90	129	Tài chính - Ngân hàng	
205	030633170882	Hồ Thị Mỹ Duyên	13/11/1999	Nữ	DH33NH01	7.14	2.86	129	Tài chính - Ngân hàng	
206	030633170380	Trần Thanh Hải	08/02/1999	Nam	DH33NH01	6.86	2.74	129	Tài chính - Ngân hàng	
207	030633170525	Võ Tú Hào	10/02/1999	Nữ	DH33NH01	7.58	3.03	129	Tài chính - Ngân hàng	
208	030633170232	Lê Đình Huấn	26/04/1998	Nam	DH33NH01	7.20	2.88	129	Tài chính - Ngân hàng	
209	030633170524	Huỳnh Tấn Phát	07/09/1999	Nam	DH33NH01	7.00	2.80	129	Tài chính - Ngân hàng	
210	030633170490	Trần Thanh Phúc	29/05/1999	Nam	DH33NH01	6.74	2.70	129	Tài chính - Ngân hàng	
211	030633170505	Hồ Bảo Thơ	17/07/1999	Nữ	DH33NH01	7.12	2.85	129	Tài chính - Ngân hàng	
212	030633170396	Dương Quế Tiên	21/12/1999	Nữ	DH33NH01	6.29	2.52	129	Tài chính - Ngân hàng	
213	030633170128	Lê Nguyễn Thanh Xuân	14/11/1999	Nữ	DH33NH01	7.66	3.07	129	Tài chính - Ngân hàng	
214	030633170347	Võ Ngọc Quế Anh	11/04/1999	Nữ	DH33NH02	6.59	2.64	129	Tài chính - Ngân hàng	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
215	030633170474	Đặng Thị Mỹ	Linh	24/03/1999	Nữ	DH33NH02	6.66	2.66	129	Tài chính - Ngân hàng	
216	030633171331	Trần Nguyễn Tuyết	Nhi	06/03/1999	Nữ	DH33NH02	7.36	2.94	129	Tài chính - Ngân hàng	
217	030633170075	Phan Đình Quỳnh	Như	02/09/1999	Nữ	DH33NH02	7.34	2.93	129	Tài chính - Ngân hàng	
218	030633170507	Trần Huỳnh Kiều	Tiên	28/02/1999	Nữ	DH33NH02	6.94	2.78	129	Tài chính - Ngân hàng	
219	030633170413	Nguyễn Quang	Tiến	07/02/1999	Nam	DH33NH02	6.85	2.74	129	Tài chính - Ngân hàng	
220	030633170418	Phùng Thị Lam	Trà	25/10/1999	Nữ	DH33NH02	6.31	2.52	129	Tài chính - Ngân hàng	
221	030633170186	Nguyễn Thị Triệu	Vi	08/11/1999	Nữ	DH33NH02	7.36	2.94	129	Tài chính - Ngân hàng	
222	030633170927	Nguyễn Nhật	Hạ	30/05/1999	Nữ	DH33NH03	6.87	2.75	129	Tài chính - Ngân hàng	
223	030633170569	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	11/01/1999	Nữ	DH33NH03	6.93	2.77	129	Tài chính - Ngân hàng	
224	030633171095	Lê Thị Thông	Mơ	13/08/1998	Nữ	DH33NH03	8.05	3.22	129	Tài chính - Ngân hàng	
225	030633170550	Trương Hoàng	Nam	09/07/1999	Nam	DH33NH03	8.26	3.30	129	Tài chính - Ngân hàng	
226	030633171049	Nguyễn Cửu Tuyết	Trân	13/11/1999	Nữ	DH33NH03	7.86	3.15	129	Tài chính - Ngân hàng	
227	030633171553	Nguyễn Hoàng	Ân	27/01/1999	Nam	DH33NH04	6.61	2.64	129	Tài chính - Ngân hàng	
228	030633170650	Lê Kim	Hạnh	21/02/1999	Nữ	DH33NH04	7.42	2.97	129	Tài chính - Ngân hàng	
229	030633171413	Bùi Đức	Minh	26/01/1999	Nam	DH33NH04	6.99	2.80	129	Tài chính - Ngân hàng	
230	030633171265	Lâm Gia	Minh	09/11/1999	Nam	DH33NH04	6.48	2.59	129	Tài chính - Ngân hàng	
231	030633170172	Lương Nhật	Nguyên	13/08/1999	Nữ	DH33NH04	6.51	2.60	129	Tài chính - Ngân hàng	
232	030633171687	Lê Võ Yến	Nhi	24/11/1999	Nữ	DH33NH04	7.02	2.81	129	Tài chính - Ngân hàng	
233	030633170856	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	16/11/1999	Nữ	DH33NH04	7.77	3.11	129	Tài chính - Ngân hàng	
234	030633171269	Nguyễn Chí	Tài	19/09/1999	Nam	DH33NH04	6.81	2.72	129	Tài chính - Ngân hàng	
235	030633171661	Nguyễn Thị	Cầm	06/09/1999	Nữ	DH33NH05	6.13	2.45	129	Tài chính - Ngân hàng	
236	030633171275	Nguyễn Thị Thu	Hương	25/06/1999	Nữ	DH33NH05	6.83	2.73	129	Tài chính - Ngân hàng	
237	030633171545	Nguyễn Thuỳ	Linh	14/08/1999	Nữ	DH33NH05	7.18	2.87	129	Tài chính - Ngân hàng	
238	030633171165	Trần Nguyễn Hoàng	Uyên	16/12/1999	Nữ	DH33NH05	6.99	2.79	129	Tài chính - Ngân hàng	



Như

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
239	030633170767	Trần Quốc Việt	09/10/1996	Nam	DH33NH05	6.88	2.75	129	Tài chính - Ngân hàng	
240	030633170252	Phạm Thị Ngọc Anh	07/09/1999	Nữ	DH33TC01	7.77	3.11	129	Tài chính - Ngân hàng	
241	030633170503	Nguyễn Thị Tường Vi	04/12/1999	Nữ	DH33TC01	7.94	3.18	129	Tài chính - Ngân hàng	
242	030633170291	Nguyễn Thị Thùy Linh	15/06/1999	Nữ	DH33TC02	7.97	3.19	129	Tài chính - Ngân hàng	
243	030633170328	Lê Kiều Ngân	08/05/1999	Nữ	DH33TC02	7.66	3.06	129	Tài chính - Ngân hàng	
244	030633170225	Kim Diệu Ngọc	21/07/1998	Nữ	DH33TC02	6.80	2.72	129	Tài chính - Ngân hàng	
245	030633170105	Nguyễn Thị Kim Tuyến	02/02/1999	Nữ	DH33TC02	7.80	3.12	129	Tài chính - Ngân hàng	
246	030633170394	Võ Thị Hương Giang	18/09/1999	Nữ	DH33TC03	7.71	3.08	129	Tài chính - Ngân hàng	
247	030633170346	Nguyễn Thị Phương Trâm	25/10/1999	Nữ	DH33TC03	7.96	3.18	129	Tài chính - Ngân hàng	
248	030633170898	Nguyễn Lâm Bình An	20/07/1998	Nữ	DH33TC04	8.18	3.27	129	Tài chính - Ngân hàng	
249	030633170818	Vũ Lâm Quốc Thông	03/03/1999	Nam	DH33TC04	7.76	3.10	129	Tài chính - Ngân hàng	
250	030633170557	Nguyễn Hữu Thiên Ân	08/07/1999	Nam	DH33TC05	7.70	3.08	129	Tài chính - Ngân hàng	
251	030633170318	Nông Thị Quế Chi	13/01/1999	Nữ	DH33TC05	7.37	2.95	129	Tài chính - Ngân hàng	
252	030633170791	Đồng Thanh Hải	04/07/1999	Nữ	DH33TC05	8.08	3.23	129	Tài chính - Ngân hàng	
253	030633170873	Nguyễn Thị Minh Hoa	14/08/1999	Nữ	DH33TC05	6.60	2.64	129	Tài chính - Ngân hàng	
254	030633170691	Nguyễn Trần Khánh Linh	01/01/1999	Nữ	DH33TC05	8.50	3.40	129	Tài chính - Ngân hàng	
255	030633171004	Trương Nữ Uyên Ngân	02/08/1999	Nữ	DH33TC05	7.08	2.83	129	Tài chính - Ngân hàng	
256	030633170547	Nguyễn Hoài Thu	16/07/1999	Nữ	DH33TC05	7.92	3.17	129	Tài chính - Ngân hàng	
257	030633171423	Hà Thị Thúy Nga	17/07/1999	Nữ	DH33TC06	7.38	2.95	129	Tài chính - Ngân hàng	
258	030633170955	Lương Thị Phương Thảo	08/07/1999	Nữ	DH33TC06	7.79	3.12	129	Tài chính - Ngân hàng	
259	030633170883	Tăng Trường Thịnh	11/05/1999	Nam	DH33TC06	7.30	2.92	129	Tài chính - Ngân hàng	
260	030633171243	Lương Thị Kim Trinh	09/10/1999	Nữ	DH33TC06	7.77	3.11	129	Tài chính - Ngân hàng	
261	030633171679	Phạm Thị Thu Hằng	15/09/1999	Nữ	DH33TC07	7.92	3.17	129	Tài chính - Ngân hàng	
262	030633171305	Nguyễn Thị Hồng Phúc	30/08/1999	Nữ	DH33TC07	7.47	2.99	129	Tài chính - Ngân hàng	



Handwritten signature

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
263	030633171522	Đào Thị Thơ	04/03/1999	Nữ	DH33TC07	7.53	3.01	129	Tài chính - Ngân hàng	
264	030633171628	Nguyễn Dương Phương Thoa	24/01/1999	Nữ	DH33TC07	7.81	3.13	129	Tài chính - Ngân hàng	
265	030234180089	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	24/01/2000	Nữ	DH34DN01	6.90	2.76	129	HTTT quản lý	
266	030234180125	Lê Thị Thu Thảo	31/03/2000	Nữ	DH34DN01	7.63	3.05	129	HTTT quản lý	
267	030234180132	Trần Thị Ngọc Thuy	05/08/2000	Nữ	DH34DN01	7.52	3.01	129	HTTT quản lý	
268	030234180061	Tô Mỹ Minh Khôi	24/11/2000	Nam	DH34TM01	7.24	2.90	129	HTTT quản lý	
269	030234180071	Hồ Hoàng Long	25/10/2000	Nam	DH34TM01	8.03	3.21	129	HTTT quản lý	
270	030534180047	Huỳnh Ngọc Hân	04/12/2000	Nữ	DH34KT01	8.14	3.26	129	Kế toán	
271	030534180043	Vy Thị Mỹ Hạnh	01/03/2000	Nữ	DH34KT01	7.86	3.14	129	Kế toán	
272	030534180060	Ngô Thị Hiếu	21/09/2000	Nữ	DH34KT01	8.22	3.29	129	Kế toán	
273	030534180079	Trần Thị Lan Hương	20/12/2000	Nữ	DH34KT02	8.20	3.28	129	Kế toán	
274	030534180090	Tô Thị Bích Liên	20/11/1992	Nữ	DH34KT02	7.92	3.17	129	Kế toán	
275	030534180120	Nguyễn Thị Tuyết Nga	21/07/2000	Nữ	DH34KT02	8.62	3.45	129	Kế toán	
276	030534180160	Nguyễn Quỳnh Trúc Quyên	13/06/2000	Nữ	DH34KT03	8.22	3.29	129	Kế toán	
277	030534180170	Trịnh Thị Quỳnh Tiên	14/10/2000	Nữ	DH34KT04	8.59	3.43	129	Kế toán	
278	030534180215	Phan Thị Ngọc Trâm	28/01/2000	Nữ	DH34KT04	8.13	3.25	129	Kế toán	
279	030534180223	Phạm Phương Trinh	15/01/2000	Nữ	DH34KT04	8.32	3.33	129	Kế toán	
280	030834180009	Hà Kiều Anh	29/02/2000	Nữ	DH34KQ01	7.16	2.86	129	Kinh tế quốc tế	
281	030834180033	Đào Phương Danh	17/03/2000	Nam	DH34KQ01	8.20	3.28	129	Kinh tế quốc tế	
282	030834180035	Nguyễn Thị Diễm	06/03/2000	Nữ	DH34KQ01	7.84	3.14	129	Kinh tế quốc tế	
283	030834180036	Huỳnh Huyền Diệu	04/07/2000	Nữ	DH34KQ01	7.47	2.99	129	Kinh tế quốc tế	
284	030834180050	Ung Nguyễn Kiều Duyên	20/10/2000	Nữ	DH34KQ01	7.86	3.15	129	Kinh tế quốc tế	
285	030834180095	Lê Thị Huỳnh Hương	21/09/2000	Nữ	DH34KQ02	7.58	3.03	129	Kinh tế quốc tế	
286	030834180125	Lê Thị Ly	12/08/2000	Nữ	DH34KQ03	7.21	2.88	129	Kinh tế quốc tế	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
287	030834180132	Lương Tiểu My	11/04/2000	Nữ	DH34KQ03	7.80	3.12	129	Kinh tế quốc tế	
288	030834180153	Nguyễn Phương Bích Ngọc	21/12/2000	Nữ	DH34KQ03	7.74	3.09	129	Kinh tế quốc tế	
289	030834180155	Trần Bảo Ngọc	09/02/2000	Nữ	DH34KQ03	7.43	2.97	129	Kinh tế quốc tế	
290	030834180162	Nguyễn Thị Thanh Nhân	15/02/2000	Nữ	DH34KQ03	8.39	3.36	129	Kinh tế quốc tế	
291	030834180167	Hồ Thị Yến Nhi	11/10/2000	Nữ	DH34KQ03	7.47	2.99	129	Kinh tế quốc tế	
292	030834180172	Ngô Thị Nhi	20/01/2000	Nữ	DH34KQ03	7.23	2.89	129	Kinh tế quốc tế	
293	030834180196	Nguyễn Hoàng Phương	24/10/2000	Nữ	DH34KQ04	7.30	2.92	129	Kinh tế quốc tế	
294	030834180236	Nguyễn Thị Thanh Thùy	09/10/2000	Nữ	DH34KQ05	7.70	3.08	129	Kinh tế quốc tế	
295	030834180218	Nguyễn Thị Kim Tuyến	01/06/2000	Nữ	DH34KQ05	7.56	3.03	129	Kinh tế quốc tế	
296	030834180267	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	18/04/2000	Nữ	DH34KQ05	7.79	3.12	129	Kinh tế quốc tế	
297	030834180273	Nguyễn Thị Hồng Vân	06/11/2000	Nữ	DH34KQ05	8.58	3.43	129	Kinh tế quốc tế	
298	030834180274	Nguyễn Thị Thanh Vân	15/07/2000	Nữ	DH34KQ05	8.46	3.39	129	Kinh tế quốc tế	
299	030834180282	Trần Thị Vui	16/09/2000	Nữ	DH34KQ05	7.37	2.95	129	Kinh tế quốc tế	
300	030834180284	Đoàn Thị Hằng Vy	10/07/2000	Nữ	DH34KQ05	7.15	2.86	129	Kinh tế quốc tế	
301	030834180287	Nguyễn Thị Tường Vy	04/08/2000	Nữ	DH34KQ05	7.01	2.81	129	Kinh tế quốc tế	
302	030734180095	Vũ Thị Phương Thảo	26/10/2000	Nữ	DH34LK02	7.86	3.15	129	Luật kinh tế	
303	030734180105	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	06/12/2000	Nữ	DH34LK02	7.26	2.90	129	Luật kinh tế	
304	030734180102	Nguyễn Thị Thanh Thùy	11/04/2000	Nữ	DH34LK02	8.00	3.20	129	Luật kinh tế	
305	030734180114	Lê Ngọc Mỹ Uyên	22/02/2000	Nữ	DH34LK02	7.18	2.87	129	Luật kinh tế	
306	030434180005	Nguyễn Trần Lan Anh	03/11/2000	Nữ	DH34AV01	7.28	2.91	134	Ngôn ngữ Anh	
307	030434180049	Hồ Hà	10/04/2000	Nữ	DH34AV01	6.80	2.72	134	Ngôn ngữ Anh	
308	030434180056	Lê Thị Bích Hiền	02/11/2000	Nữ	DH34AV01	6.87	2.75	135	Ngôn ngữ Anh	
309	030434180080	Trương Lam Khanh	23/10/2000	Nữ	DH34AV02	8.23	3.29	134	Ngôn ngữ Anh	
310	030434180078	Lê Thị Kim	20/02/2000	Nữ	DH34AV02	7.02	2.81	134	Ngôn ngữ Anh	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
311	030434180092	Phan Thị Phương	Liên	21/02/2000	Nữ	DH34AV02	7.50	3.00	134	Ngôn ngữ Anh	
312	030434180120	Đặng Vũ Minh	Nghĩa	11/09/2000	Nữ	DH34AV02	8.56	3.42	134	Ngôn ngữ Anh	
313	030434180166	Nguyễn Thị	Phương	04/02/2000	Nữ	DH34AV03	7.51	3.01	135	Ngôn ngữ Anh	
314	030434180231	Trần Lê Lê	Trần	20/12/2000	Nữ	DH34AV04	6.76	2.70	134	Ngôn ngữ Anh	
315	030434180245	Nguyễn Thị Phương	Uyên	06/01/2000	Nữ	DH34AV04	8.37	3.35	135	Ngôn ngữ Anh	
316	030434180257	Phạm Hoàng Khả	Vy	15/12/2000	Nữ	DH34AV04	7.85	3.14	134	Ngôn ngữ Anh	
317	030334180063	Tạ Thị	Hà	05/07/1999	Nữ	DH34MK01	7.80	3.12	129	Quản trị kinh doanh	
318	030334180070	Nguyễn Thị	Hằng	11/01/2000	Nữ	DH34MK01	7.30	2.92	129	Quản trị kinh doanh	
319	030334180084	Lê Thị	Hiệu	28/03/2000	Nữ	DH34MK01	7.77	3.11	129	Quản trị kinh doanh	
320	030334180090	Lâm Ngọc	Huy	29/05/2000	Nam	DH34MK01	7.56	3.02	129	Quản trị kinh doanh	
321	030334180118	Hoàng Gia	Linh	05/01/2000	Nữ	DH34MK02	7.14	2.86	129	Quản trị kinh doanh	
322	030334180130	Lê Hoài	Long	08/06/2000	Nam	DH34MK02	7.33	2.93	129	Quản trị kinh doanh	
323	030334180277	Nguyễn Phương	Uyên	22/01/2000	Nữ	DH34MK03	7.41	2.96	129	Quản trị kinh doanh	
324	030334180009	Mai Thị Hồng	Anh	04/07/2000	Nữ	DH34QT01	7.64	3.06	129	Quản trị kinh doanh	
325	030334180022	Thạch Thị Ngọc	Bích	21/02/2000	Nữ	DH34QT01	7.56	3.02	129	Quản trị kinh doanh	
326	030334180028	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu	17/08/2000	Nữ	DH34QT01	7.93	3.17	129	Quản trị kinh doanh	
327	030334180036	Lê Thị Mỹ	Dung	03/07/2000	Nữ	DH34QT01	8.03	3.21	129	Quản trị kinh doanh	
328	030334180088	Lê Thị Ánh	Hồng	09/06/2000	Nữ	DH34QT01	7.88	3.15	129	Quản trị kinh doanh	
329	030334180092	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	14/12/2000	Nữ	DH34QT01	8.45	3.38	129	Quản trị kinh doanh	
330	030334180117	Đỗ Thị Ánh	Linh	29/11/2000	Nữ	DH34QT01	7.57	3.03	129	Quản trị kinh doanh	
331	030334180165	Huỳnh Hữu	Nghĩa	20/01/2000	Nam	DH34QT02	7.82	3.13	129	Quản trị kinh doanh	
332	030334180174	Hồ Lê Lê	Nguyên	05/06/2000	Nữ	DH34QT02	8.14	3.26	129	Quản trị kinh doanh	
333	030334180237	Đàm Ngọc	Thành	27/11/2000	Nam	DH34QT02	7.86	3.14	129	Quản trị kinh doanh	
334	030134180003	Đỗ Thúy	An	13/07/2000	Nữ	DH34NH01	7.73	3.09	129	Tài chính - Ngân hàng	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
335	030134180027	Trần Thị Vân	Anh	07/09/2000	Nữ	DH34NH01	7.81	3.12	129	Tài chính - Ngân hàng	
336	030134180051	Phan Thị Minh	Châu	26/04/2000	Nữ	DH34NH01	7.96	3.18	129	Tài chính - Ngân hàng	
337	030134180069	Đỗ Đăng	Duy	01/05/2000	Nam	DH34NH01	8.51	3.40	129	Tài chính - Ngân hàng	
338	030134180074	Đỗ Thị Thanh	Duyên	24/05/2000	Nữ	DH34NH01	7.46	2.98	129	Tài chính - Ngân hàng	
339	030134180103	Ninh Trường	Giang	26/12/2000	Nam	DH34NH01	7.72	3.09	129	Tài chính - Ngân hàng	
340	030134180108	Hoàng Thị Thu	Hà	07/06/1999	Nữ	DH34NH01	7.50	3.00	129	Tài chính - Ngân hàng	
341	030134180115	Dư Đức	Hải	18/10/2000	Nam	DH34NH01	7.20	2.88	129	Tài chính - Ngân hàng	
342	030134180169	Ông Gia	Huy	21/04/2000	Nam	DH34NH02	8.77	3.51	129	Tài chính - Ngân hàng	
343	030134180198	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	01/04/2000	Nữ	DH34NH02	7.96	3.18	129	Tài chính - Ngân hàng	
344	030134180252	Trương Nguyễn Thảo	Linh	10/09/2000	Nữ	DH34NH02	8.11	3.24	129	Tài chính - Ngân hàng	
345	030134180257	Nguyễn Thúy	Loan	16/11/2000	Nữ	DH34NH02	7.11	2.84	129	Tài chính - Ngân hàng	
346	030134180284	Phan Thị Trúc	My	12/11/2000	Nữ	DH34NH03	6.80	2.72	129	Tài chính - Ngân hàng	
347	030134180316	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/08/2000	Nữ	DH34NH03	8.03	3.21	129	Tài chính - Ngân hàng	
348	030134180321	Trương Thị Kim	Ngân	13/06/2000	Nữ	DH34NH03	7.23	2.89	129	Tài chính - Ngân hàng	
349	030134180398	Cao Lan	Phương	17/07/2000	Nữ	DH34NH03	7.61	3.04	129	Tài chính - Ngân hàng	
350	030134180417	Nguyễn Thị Thanh	Phượng	10/06/2000	Nữ	DH34NH03	6.92	2.77	129	Tài chính - Ngân hàng	
351	030134180422	Nguyễn Tuyết	Quân	21/12/2000	Nữ	DH34NH04	8.22	3.29	129	Tài chính - Ngân hàng	
352	030134180431	Đào Thị Thúy	Quỳnh	11/12/2000	Nữ	DH34NH04	7.34	2.93	129	Tài chính - Ngân hàng	
353	030134180488	Ngô Quang	Thái	25/10/2000	Nam	DH34NH04	7.85	3.14	129	Tài chính - Ngân hàng	
354	030134180550	Lê Nguyễn Anh	Thư	25/12/2000	Nữ	DH34NH04	8.04	3.22	129	Tài chính - Ngân hàng	
355	030134180552	Nguyễn Lan	Thư	20/10/2000	Nữ	DH34NH04	7.64	3.05	129	Tài chính - Ngân hàng	
356	030134180673	Lê Thị Hoài	Thương	10/08/1999	Nữ	DH34NH04	7.11	2.85	129	Tài chính - Ngân hàng	
357	030134180545	Tiêu Thị Thu	Thủy	06/03/2000	Nữ	DH34NH04	7.72	3.09	129	Tài chính - Ngân hàng	
358	030134180582	Đặng Ngọc Thùy	Trâm	25/09/2000	Nữ	DH34NH05	7.22	2.89	129	Tài chính - Ngân hàng	



Handwritten signature

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
359	030134180592	Lê Duy Huyền	Trần	16/07/2000	Nữ	DH34NH05	8.16	3.26	129	Tài chính - Ngân hàng	
360	030134180580	Quang Thị Huyền	Trang	10/02/2000	Nữ	DH34NH05	7.29	2.92	129	Tài chính - Ngân hàng	
361	030134180667	Lê Thị Hải	Yến	23/03/2000	Nữ	DH34NH05	7.63	3.05	129	Tài chính - Ngân hàng	
362	030134180001	Trần Ngọc Thúy	Ái	21/09/2000	Nữ	DH34TC01	7.92	3.17	129	Tài chính - Ngân hàng	
363	030134180020	Nguyễn Văn	Anh	12/02/1999	Nữ	DH34TC01	8.28	3.31	129	Tài chính - Ngân hàng	
364	030134180039	Giang Thị Sâm	Bá	02/09/2000	Nữ	DH34TC01	8.27	3.31	129	Tài chính - Ngân hàng	
365	030134180087	Phan Thị Trang	Đài	08/08/2000	Nữ	DH34TC01	7.75	3.10	129	Tài chính - Ngân hàng	
366	030134180090	Trần Thị Hoa	Đào	20/02/2000	Nữ	DH34TC01	8.39	3.36	129	Tài chính - Ngân hàng	
367	030134180064	Lê Thị Thanh	Dung	04/10/2000	Nữ	DH34TC01	7.98	3.19	129	Tài chính - Ngân hàng	
368	030134180067	Nguyễn Lê Ngọc	Dũng	05/12/2000	Nam	DH34TC01	6.95	2.78	129	Tài chính - Ngân hàng	
369	030134180081	Trần Thị Mỹ	Duyên	10/02/2000	Nữ	DH34TC01	8.42	3.37	129	Tài chính - Ngân hàng	
370	030134180113	Hồ Hoàng	Hạ	26/11/2000	Nữ	DH34TC01	7.55	3.02	129	Tài chính - Ngân hàng	
371	030134180121	Lê Thụy Minh	Hạnh	16/03/2000	Nữ	DH34TC01	7.23	2.89	129	Tài chính - Ngân hàng	
372	030134180124	Nguyễn Thanh	Hào	10/09/2000	Nam	DH34TC02	7.46	2.98	129	Tài chính - Ngân hàng	
373	030134180135	Mai Thị Đức	Hiền	21/11/2000	Nữ	DH34TC02	7.62	3.05	129	Tài chính - Ngân hàng	
374	030134180143	Lê Quang	Hiền	04/01/2000	Nam	DH34TC02	7.79	3.11	129	Tài chính - Ngân hàng	
375	030134180164	Nguyễn Thị Mỹ	Huệ	01/08/2000	Nữ	DH34TC02	8.13	3.25	129	Tài chính - Ngân hàng	
376	030134180188	Nguyễn Thị	Hương	20/08/2000	Nữ	DH34TC02	7.57	3.03	129	Tài chính - Ngân hàng	
377	030134180231	Đinh Thị Khánh	Linh	27/07/2000	Nữ	DH34TC02	8.05	3.22	129	Tài chính - Ngân hàng	
378	030134180274	Nguyễn Quỳnh	Mai	09/09/2000	Nữ	DH34TC03	8.08	3.23	129	Tài chính - Ngân hàng	
379	030134180305	Bùi Thị Thảo	Ngân	22/10/2000	Nữ	DH34TC03	8.16	3.26	129	Tài chính - Ngân hàng	
380	030134180308	Huỳnh Nữ Thu	Ngân	23/05/2000	Nữ	DH34TC03	7.64	3.06	129	Tài chính - Ngân hàng	
381	030134180319	Quách Phương	Ngân	20/05/2000	Nữ	DH34TC03	7.41	2.96	129	Tài chính - Ngân hàng	
382	030134180359	Trần Thị Yến	Nhi	19/01/2000	Nữ	DH34TC03	8.05	3.22	129	Tài chính - Ngân hàng	



STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
383	030134180378	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	29/09/2000	Nữ	DH34TC03	8.01	3.20	129	Tài chính - Ngân hàng
384	030134180369	Lâm Vũ Như	Nhung	02/11/2000	Nữ	DH34TC03	8.23	3.29	129	Tài chính - Ngân hàng
385	050606180113	Ngô Hoàng Trung	Hiếu	16/03/2000	Nam	DH34TC04	7.96	3.18	129	Tài chính - Ngân hàng
386	030134180418	Phan Kim	Phượng	03/05/1999	Nữ	DH34TC04	7.99	3.20	129	Tài chính - Ngân hàng
387	030134180456	Lê Thị Thủy	Tiên	25/07/2000	Nữ	DH34TC05	7.71	3.09	129	Tài chính - Ngân hàng
388	030134180617	Đào Thị Tô	Uyên	08/10/2000	Nữ	DH34TC05	8.28	3.31	129	Tài chính - Ngân hàng
389	030134180650	Lê Thị Thảo	Vy	20/02/2000	Nữ	DH34TC05	8.06	3.22	129	Tài chính - Ngân hàng
390	030134180662	Đào Ái	Xuân	03/07/2000	Nữ	DH34TC05	7.54	3.01	129	Tài chính - Ngân hàng
391	030134180668	Phạm Thị Bảo	Yến	03/02/2000	Nữ	DH34TC05	7.64	3.05	129	Tài chính - Ngân hàng
392	060516160010	Phạm Thị Ngọc	Dung	14/10/1994	Nữ	LT16DH03	6.75	2.70	132	Kế toán
393	060316160011	Bùi Kim	Ngân	22/01/1993	Nữ	LT16DH02	6.79	2.72	129	Quản trị kinh doanh
394	060116160097	Nguyễn Ngọc	Son	08/09/1994	Nam	LT16DH04	6.54	2.62	129	Tài chính - Ngân hàng

Tổng 394 sinh viên ./..

[Signature]





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH THỨ 2
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 3 NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **579** /QĐ-ĐHNH, ngày **25** tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
1	030633170818	Vũ Lâm Quốc	Thông	03/03/1999	Nam	DH33TC04	7.61	3.04	129	Kinh tế quốc tế
2	030632160239	VŨ NGỌC	CUỒNG	26/10/1998	Nam	DH32QT03	7.52	3.01	130	Luật kinh tế
3	030632160568	NGUYỄN THỊ THANH	HẢI	23/09/1998	Nữ	DH32DN01	7.09	2.84	129	Tài chính - Ngân hàng
4	030632162736	NGUYỄN TRỌNG	TUẤN	08/02/1998	Nam	DH32DN01	7.37	2.93	129	Tài chính - Ngân hàng

Tổng 04 sinh viên ./..



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY VĂN BẰNG 2
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 3 NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 579 /QĐ-ĐHNH, ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
1	070409190070	Võ Văn	Dòn	12/07/1985	Nam	AV_B2K1_CQ_Đ2	8.24	3.30	73	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
2	070409190010	Bùi Tấn	Đủ	23/06/1991	Nam	AV_B2K1_CQ_Đ1	7.20	2.88	73	Ngôn ngữ Anh	Khá
3	070409190085	Lê Đình	Luân	27/08/1986	Nam	AV_B2K1_CQ_Đ2	8.32	3.33	73	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
4	070409190034	Nguyễn Hữu	Nhân	20/02/1986	Nam	AV_B2K1_CQ_Đ1	7.51	3.01	73	Ngôn ngữ Anh	Khá
5	070409190052	Phan Thị	Thùy	28/08/1995	Nữ	AV_B2K1_CQ_Đ1	6.89	2.76	73	Ngôn ngữ Anh	Khá
6	070409190053	Ngô Thị	Tinh	02/09/1986	Nữ	AV_B2K1_CQ_Đ1	8.13	3.25	73	Ngôn ngữ Anh	Giỏi

Tổng 06 sinh viên ./..